

# General Conditions for Certification Services

## Các Điều Kiện Chung Về Thực Hiện Dịch Vụ Chứng Nhận

### 1. GENERAL/ TỔNG QUÁT

1.1 Unless otherwise agreed in writing, all offers or services and all resulting Contractual Relationship(s) between SGS SA, any affiliated companies of SGS SA or any of their agents (each “**SGS**”) to any person applying for certification services (the “**Client**”) shall be governed by these General Conditions for Certification Services (“**General Conditions**”).

*Ngoại trừ những thỏa thuận khác bằng văn bản, tất cả các yêu cầu hay dịch vụ được thực hiện bởi tập đoàn SGS hay bất kỳ công ty thành viên nào của SGS hay bất kỳ các văn phòng đại diện của tập đoàn (gọi chung mỗi thành viên trên là một “**Công ty**”) cho bất kỳ đối tác nào đang sử dụng dịch vụ chứng nhận (gọi là “**Khách hàng**”) phải được áp dụng theo Các Điều Kiện Chung Về Thực Hiện Dịch Vụ Chứng Nhận (“**Các Điều Kiện Chung**”) này.*

1.2 These General Conditions, and, as applicable, the Proposal, the Application, the Codes of Practice, the SGS Certification Marks License Terms and Conditions constitute the entire agreement (the “**Contract**”) between the Client and SGS with respect to the subject matter hereof. Save as otherwise provided no variation to the Contract shall be valid unless it is in writing and signed by or on behalf of the Client and SGS.

*Các Điều Kiện Chung này và, khi có thể, bản Báo giá, Bản đăng ký thực hiện dịch vụ, Quy tắc Thực hành, các Điều kiện và Quy định sử dụng Biểu tượng chứng nhận của SGS sẽ tạo thành toàn bộ thỏa thuận (gọi là “**Hợp đồng**”) giữa Khách hàng và SGS qua việc viện dẫn đến các đề mục nêu trên. Để tránh những trường hợp khác được nêu ra, không có bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng là có giá trị trừ khi sự thay đổi đó thể hiện bằng văn bản và được ký hay đại diện bởi Khách hàng và SGS.*

1.3 Where a Certificate is issued to the Client, SGS will provide the Services using reasonable care and skill and in accordance with the Codes of Practice then in force of the relevant Certification Body. A copy of such Codes of Practice, and any amendments to it as may be issued from time to time, will be supplied by the Certification Body to the Client upon commencement of the Services.

*Khi Giấy Chứng Nhận được cấp cho khách hàng, SGS sẽ cung cấp dịch vụ bằng các kỹ năng và trách nhiệm phù hợp với các Quy tắc Thực hành được yêu cầu áp dụng của Tổ chức Chứng nhận liên quan. Tổ chức chứng nhận sẽ cung cấp cho khách hàng bản Quy Tắc Thực Hành, và các chỉnh sửa có thể được ban hành thường xuyên, ngay thời điểm triển khai hợp đồng.*

### 2. DEFINITIONS/ ĐỊNH NGHĨA

“Accreditation Body” means any organisation (whether public or private) having the authorisation to appoint Certification Bodies.

“Tổ chức Công nhận” là một tổ chức (chính phủ hay tư nhân) có thẩm quyền phê duyệt thành lập một Tổ chức Chứng nhận.

“Application” means the request for services by a Client.  
“Bản đăng Ký thực hiện dịch vụ” là yêu cầu thực hiện dịch vụ của khách hàng.

“Certificate” means the Certificate issued by a competent Certification Body.

“Giấy chứng nhận” là giấy chứng nhận được ban hành bởi một tổ chức Chứng nhận có năng lực.

“Certification Body” means any SGS company having the authorisation to issue Certificates.

“Tổ chức Chứng nhận” là bất kỳ Công ty SGS thành viên nào có thẩm quyền ban hành giấy chứng nhận.

“Codes of Practice” means those codes of practice issued by a Certification Body in accordance with the relevant certification scheme.

“Quy tắc Thực hành” là các Quy tắc Thực hành được ban hành bởi Tổ chức chứng nhận phù hợp với chương trình chứng nhận liên quan.

“Proposal” means the outline of services to be rendered by SGS to the Client.

“Bản báo giá” là khái quát về dịch vụ do SGS đề xuất cho khách hàng.

“Report” a report issued by SGS to the Client indicating whether or not a recommendation to issue a Certificate is to be made.

“Báo cáo” là một bản báo cáo do SGS ban hành cho Khách hàng đề cập đến việc có đề xuất cấp Giấy chứng nhận hay không.

“SGS Certification Mark License Terms and Conditions” means the terms and conditions of use of the licensed SGS Certification Mark.

“Các Điều kiện và Quy định sử dụng Biểu tượng chứng nhận của SGS” là các điều kiện và Quy định cho việc sử dụng Biểu tượng chứng nhận của SGS.

### 3. SERVICES/ CÁC DỊCH VỤ

3.1 These General Conditions cover the following services (“the Services”):

*Các Điều Kiện Chung này áp dụng cho các loại dịch vụ sau (gọi chung là “Dịch Vụ”):*

(a) System certification services: quality, environmental, safety, health and other management system certification in accordance with international or national standards;

*Dịch vụ chứng nhận hệ thống: chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn, sức khỏe và những hệ thống quản lý khác phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế hoặc quốc gia;*

(b) Product conformity certification services in accordance with EC Directives or national legislation and product certification services in accordance with non-mandatory normative documents, specifications or technical regulations;

*Dịch vụ chứng nhận sản phẩm phù hợp với các Chỉ thị của EC hay luật pháp quốc gia; và dịch vụ chứng nhận sản phẩm phù hợp với các Quy định không bắt buộc, các thông số hay yêu cầu kỹ thuật;*



(c) Service certification services in accordance with nonmandatory normative documents, specifications or technical regulations;  
*Dịch vụ chứng nhận dịch vụ phù hợp với các Quy định không bắt buộc, các thông số hay yêu cầu kỹ thuật;*

(d) process certification services;  
*Dịch vụ chứng nhận quá trình;*

(e) skills certification services.  
*Dịch vụ chứng nhận kỹ năng;*

3.2 On completion of an assessment programme, SGS will prepare and submit to the Client a Report. Any recommendation given in a Report is not binding on the Certification Body and the decision to issue a Certificate is at the sole discretion of the Certification Body.

*Khi hoàn tất chương trình đánh giá, SGS sẽ chuẩn bị và giao cho Khách hàng một bản Báo cáo. Tổ chức chứng nhận có thể sẽ thay đổi những khuyến cáo nêu trong bản Báo cáo, và quyết định cấp giấy chứng nhận là quyền duy nhất của Tổ chức chứng nhận.*

3.3 Client acknowledges that SGS, either by entering into the Contract or by providing the Services, neither takes the place of Client or any third party, nor releases them from any of their obligations, nor otherwise assumes, abridges, abrogates or undertakes to discharge any duty of Client to any third party or that of any third party to Client.

*Khách hàng cần hiểu rằng, với nhiệm vụ ký kết hợp đồng hay cung cấp Dịch Vụ, SGS không thay thế Khách hàng hay bất kỳ bên thứ ba nào, cũng không chối bỏ nhiệm vụ, không đảm nhận những nhiệm vụ khác, không bỏ bớt, hủy bỏ hay đảm trách nhiệm vụ của Khách hàng đối với bất kỳ bên thứ ba nào hay nhiệm vụ của bên thứ ba đối với Khách hàng.*

3.4 Certification, suspension, withdrawal or cancellation of a Certificate shall be in accordance with the applicable Codes of Practice.

*Việc cấp, đình chỉ, thu hồi hay hủy bỏ một Chứng nhận phải phù hợp với Các Quy Tắc Thực Hành áp dụng.*

3.5 SGS may delegate the performance of all or part of the Services to an agent or a subcontractor and Client authorizes SGS to disclose all information necessary for such performance to the agent or subcontractor.

*SGS có thể giao toàn bộ hay một phần việc thực hiện Dịch Vụ cho một đại lý hay một nhà thầu phụ và Khách hàng chấp nhận cho SGS tiết lộ những thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện Dịch Vụ cho đại lý hay nhà thầu phụ đó.*

#### **4. OBLIGATIONS OF THE CLIENT/ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG**

4.1 The Client shall ensure that all product samples, access, assistance, information, records, documentation and facilities are made available to SGS when required by SGS, including the assistance of properly qualified, briefed and authorised personnel of the Client. The Client shall in addition provide SGS free of charge suitable space for conducting meetings.

*Khách hàng phải đảm bảo rằng tất cả các mẫu sản phẩm, sự tiếp cận, sự hỗ trợ, thông tin, hồ sơ, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác phải có sẵn khi được*

*SGS yêu cầu, bao gồm sự hỗ trợ của các nhân sự có năng lực, quyền hạn và được chỉ định của khách hàng. Thêm vào đó, khách hàng phải cung cấp miễn phí cho SGS một không gian thích hợp để tiến hành các cuộc họp.*

4.2 So far as it is permitted by law, the Client acknowledges that, it has not been induced to enter into the Contract in reliance upon, nor has it been given, any warranty, representation, statement, assurance, covenant, agreement, undertaking, indemnity or commitment of any nature whatsoever other than as are expressly set out in these General Conditions and, to the extent that it has been it unconditionally and irrevocably waives any claims, rights or remedies which it might otherwise have had in relation thereto. Any conditions or stipulations included in the Client standard form documents which are inconsistent with, or which purport to modify or add to, these General Conditions shall have no effect unless expressly accepted in writing by SGS.

*Trong phạm vi pháp luật cho phép, Khách hàng xác nhận rằng họ không bị dẫn dắt hoặc bị thuyết phục giao kết Hợp đồng dựa trên bất kỳ bảo đảm, tuyên bố, cam kết, đảm bảo, thỏa thuận, điều khoản, cam kết bồi thường hay bất kỳ hình thức cam kết nào khác, ngoại trừ những nội dung được quy định một cách rõ ràng trong các Điều Kiện Chung này. Trong phạm vi có thể tồn tại bất kỳ cơ sở nào khác, Khách hàng đồng thời vô điều kiện và không hủy ngang từ bỏ mọi khiếu nại, quyền hoặc biện pháp khắc phục mà họ có thể viện dẫn liên quan đến những nội dung đó. Mọi điều khoản hoặc điều khoản nào được đưa vào các mẫu tài liệu tiêu chuẩn của Khách hàng nhưng trái với, hoặc nhằm sửa đổi hoặc bổ sung, các Điều Kiện Chung này sẽ không có giá trị, trừ khi được SGS chấp thuận bằng văn bản.*

4.3 The Client shall take all necessary steps to eliminate or remedy any obstacles to or interruptions in the performance of the Services.

*Khách hàng phải thực hiện những bước cần thiết nhằm loại bỏ hay cải thiện những vấn đề gây trở ngại hoặc làm gián đoạn quá trình thực hiện Dịch Vụ.*

4.4 In order to allow SGS to comply with the applicable health and safety legislation the Client shall provide SGS with all available information regarding known or potential hazards likely to be encountered by SGS personnel during their visits. SGS shall take all reasonable steps to ensure that whilst on the Client's premises, its personnel comply with all health and safety regulations of the Client, provided that the Client makes SGS aware of the same.

*Để cho phép SGS tuân thủ những luật định cho sức khỏe và an toàn được áp dụng, Khách hàng phải cung cấp cho SGS tất cả các thông tin sẵn có liên quan đến các mối nguy đã nhận diện hay tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến nhân sự của SGS trong suốt quá trình đánh giá. SGS phải thực hiện những bước cần thiết nhằm đảm bảo rằng trong lúc làm việc tại cơ sở của Khách hàng, nhân sự của mình tuân thủ tất cả các quy định của Khách hàng về an toàn và sức khỏe, chứng tỏ rằng Khách hàng làm cho SGS nhận thức được các vấn đề tương tự.*

4.5 For product conformity certification under an EC Directive the Client shall comply with all the provisions



of that Directive. In particular, the Client may only affix the EC mark of conformity when all the requirements of that Directive are met.

*Đối với việc chứng nhận phù hợp của sản phẩm theo một Chỉ thị của EC, Khách hàng phải tuân thủ tất cả các điều khoản của Chỉ thị đó. Đặc biệt, Khách hàng chỉ có thể đóng dấu phù hợp với EC khi đáp ứng tất cả các yêu cầu của Chỉ thị đó.*

4.6 The Client may only reproduce or publish extracts of any report of SGS if the name of SGS does not appear in any way or the Client has obtained the prior written authorisation of SGS. SGS reserves its rights to lodge a complaint in case of disclosure in breach of this clause or disclosure which SGS considers in its sole discretion is abusive. The Client shall not publicise details of the way in which SGS performs, conducts or executes its operations.

*Khách hàng chỉ có thể ban hành lại hoặc ban hành trích dẫn đối với Báo cáo của SGS với điều kiện tên của SGS không được xuất hiện dưới bất kỳ hình thức nào hoặc Khách hàng đã nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của SGS trước đó. SGS có quyền đệ trình khiếu kiện trong trường hợp cho thấy có sự vi phạm điều khoản này hoặc quyền duy nhất của SGS về vấn đề này không được tôn trọng. Khách hàng không được công khai chi tiết các cách thức mà SGS đã thực hiện các công việc của mình.*

4.7 The Client shall immediately inform SGS of any and all changes in their premises which may affect their management system, their services, their products, their processes or their skills. Any breach of this obligation to inform may lead to the withdrawal of the Certificate. Furthermore the Client is bound to inform SGS of any major non conformity identified during internal audits undertaken by the Client, its partners or public authorities.

*Khách hàng phải lập tức thông báo cho SGS khi có bất kỳ sự thay đổi nào tại cơ sở của khách hàng mà có thể tác động đến hệ thống quản lý, Dịch Vụ, sản phẩm, quá trình hay kỹ năng của họ. Bất kỳ sự vi phạm nào đối với nghĩa vụ này có thể dẫn đến việc rút giấy chứng nhận. Hơn thế nữa, Khách hàng được yêu cầu phải thông báo cho SGS khi có bất kỳ các điểm không phù hợp lớn nào được phát hiện trong quá trình đánh giá nội bộ của Khách hàng, bởi các đối tác hay các cơ quan có thẩm quyền.*

## **5. FEES AND PAYMENT/ PHÍ DỊCH VỤ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN**

5.1 The fees quoted to the Client cover all stages leading to completion of the assessment programme or operations and the submission of a Report and of the periodic surveillances to be carried out by SGS for the maintenance of the Certificate. As fees are based on the charge rate applicable at the time of submitting a Proposal, SGS reserves the right to increase charges during the registration period. SGS may also increase its fees if the Client's instructions change or are found to be not in accordance with the initial details supplied to SGS prior to it providing the relevant fee quotation. Clients will be notified of any increase in fees.

*Phí dịch vụ báo cho Khách hàng bao gồm tất cả các giai đoạn từ lúc bắt đầu đến khi hoàn tất chương trình hay các hoạt động đánh giá, khi đệ trình bản Báo cáo*

*và các cuộc giám sát định kỳ do SGS thực hiện để duy trì Giấy chứng nhận. Do phí dịch vụ căn cứ trên mức giá áp dụng tại thời điểm đưa ra bản báo giá, SGS có quyền tăng phí trong khoản thời gian đăng ký chứng nhận. SGS cũng có thể tăng phí dịch vụ nếu nhận thấy các chỉ dẫn của Khách hàng không phù hợp với các chi tiết do khách hàng cung cấp cho SGS trước khi ban hành bản Chào giá. Khách hàng sẽ được thông báo khi có bất kỳ sự tăng phí dịch vụ nào.*

5.2 Additional fees shall be charged for operations that are not included in the Proposal and for work required due to nonconformances being identified. These will include, without limitation, costs resulting from:

*Các chi phí bổ sung sẽ được tính cho các hoạt động không nằm trong bản báo giá và các công việc cần thiết liên quan đến các điểm không phù hợp được xác định. Các phí này bao gồm, nhưng không giới hạn, các loại phí sau:*

(a) Repeats of any part, or all, of the assessment programme or operations due to the registration procedures and rules not being met;  
*thực hiện lại một phần hay toàn bộ chương trình hoặc các hoạt động đánh giá do các thủ tục và các Quy định đăng ký không được tuân thủ;*

(b) additional work due to suspension, withdrawal and/or reinstatement of a Certificate;  
*công việc bổ sung do đình chỉ, thu hồi và/ hoặc phục hồi Giấy chứng nhận;*

(c) reassessment due to changes in the management system or products, process or services; or  
*việc đánh giá lại do có sự thay đổi hệ thống quản lý hay sản phẩm, quá trình hay dịch vụ; hoặc*

(d) compliance with any subpoena for documents or testimony relating to work performed by SGS.

*việc đáp ứng bất kỳ các yêu cầu của tòa án về tài liệu hay các bằng chứng liên quan đến các công việc do SGS thực hiện.*

5.3 Without prejudice to clause 5.2, additional fees will be payable at SGS' charging rates in force from time to time in respect of rush orders, cancellation or rescheduling of services or any partial or full repeats of the assessment programme or operations which are required as set out in the Codes of Practice.

*Khi không có gì thiệt hại liên quan điều khoản 5.2, các phí bổ sung sẽ được tính theo mức giá của SGS theo từng thời điểm tùy thuộc vào các yêu cầu gấp, hủy bỏ hoặc làm lại chương trình cho dịch vụ hoặc lập lại một phần hoặc toàn bộ chương trình đánh giá hoặc hoạt động đánh giá được yêu cầu như đã nêu trong các Quy tắc Thực hành.*

5.4 A copy of SGS' prevailing charging rates is available on request from SGS.

*SGS luôn sẵn có bản giá với mức giá đang áp dụng khi được yêu cầu.*

5.5 Unless otherwise stated all fees quoted are exclusive of travelling and subsistence costs (which will be charged to the Client in accordance with SGS Travel Expense Policy). All fees and additional charges are exclusive of any applicable Value Added Tax, Sales



Tax or similar tax in the country concerned.

*Trừ khi có những thông báo khác, toàn bộ mức phí đưa ra không bao gồm phí đi lại và chi tiêu (sẽ được tính cho khách hàng căn cứ trên Chính sách về công tác phí của SGS). Toàn bộ mức phí và các khoản phí bổ sung chưa bao gồm bất kỳ khoản thuế giá trị gia tăng, thuế doanh thu hay các loại thuế tương tự khác áp dụng tại quốc gia liên quan.*

5.6 Following submission of the Report to the Client, SGS shall issue an invoice to the Client. Invoices for additional and further work will be issued on completion of the relevant task. Unless advance payment has been agreed upon, all invoices are payable within thirty (30) days of the date of each invoice (the "Due Date") regardless of whether the Client's system or products qualify for certification failing which interest will become due at a rate of 1.5% per month (or such other rate as may be established in the invoice) from the Due Date up to and including the date payment is actually received.

*Sau khi giao bản Báo cáo cho khách hàng, SGS sẽ phát hành một hóa đơn thanh toán cho khách hàng. Các Hóa đơn cho những công việc bổ sung hoặc làm thêm sẽ được phát hành khi hoàn tất các công việc liên quan. Trừ khi có các điều khoản thanh toán khác đã được thỏa thuận trước, tất cả các hóa đơn phải được trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành mỗi hóa đơn ("thời hạn phải trả") bất kể hệ thống hay chất lượng sản phẩm của khách hàng có được chứng nhận hay không, các chi phí tài chính liên quan đến trễ hạn được tính theo lãi suất 1,5% mỗi tháng (hoặc ở mức khác có thể được ghi trong hóa đơn) và tính từ thời hạn cuối cùng phải trả cho đến ngày thực trả.*

5.7 Any use by the Client of any Report or Certificate or the information contained therein is conditional upon the timely payment of all fees and charges. In addition to the remedies set out in the Codes of Practice, SGS reserves the right to cease or suspend all work and/or cause the suspension or withdrawal of any Certificate for a Client who fails duly to pay an invoice.

*Bất kỳ việc sử dụng nào của khách hàng đối với Báo cáo hay Giấy chứng nhận, hay các thông tin hàm chứa trong đó phụ thuộc vào việc chi trả đúng lúc toàn bộ chi phí và các khoản phải trả khác. Cùng với các khoản đền bù nêu trong Quy tắc Thực hành, SGS có quyền ngưng hoặc đình chỉ mọi công việc, và/ hoặc dẫn đến việc tạm dừng hay thu hồi Giấy chứng nhận đối với những khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm chi trả theo hóa đơn.*

5.8 Client shall not be entitled to retain or defer payment of any sums due to SGS on account of any dispute, counterclaim or set off which may allege against SGS.

*Khách hàng không được quyền giữ lại hoặc trì hoãn việc thanh toán bất kỳ khoản phí nào phải trả cho SGS với lý do đang có tranh chấp, khiếu nại hoặc bất kỳ yêu cầu bù trừ nào đối với SGS.*

5.9 SGS may elect to bring action for the collection of unpaid fees in any court having competent jurisdiction. SGS có thể kiện lên tòa án có thẩm quyền xét xử trong trường hợp khách hàng không trả phí thực hiện Dịch Vụ.

5.10 Client shall pay all SGS' collection costs including reasonable attorney's fees and related costs.

*Khách hàng sẽ phải trả mọi chi phí liên quan đến việc thu hồi công nợ của SGS, bao gồm phí cho người được ủy quyền và các chi phí liên quan khác.*

## **6. ARCHIVAL STORAGE/ LƯU TRỮ HỒ SƠ**

6.1 SGS shall retain in its archive for the period required by the relevant Accreditation Body or by law in the country of the Certification Body all materials relating to the assessment programme and surveillance programme relating to that Certificate.

*SGS phải lưu trữ tất cả các tài liệu liên quan đến chương trình đánh giá và chương trình giám sát có liên quan đến Giấy chứng nhận trong khoản thời gian theo yêu cầu của tổ chức Công nhận liên quan, hay theo luật pháp quốc gia của tổ chức Chứng nhận.*

6.2 At the end of the archive period, SGS shall transfer, retain or dispose of the materials at its discretion, unless instructed otherwise by the Client. Fees for carrying out such instructions will be invoiced to the Client.

*Khi thời gian lưu trữ hồ sơ hết hạn, SGS sẽ tùy ý chuyển giao, duy trì hay hủy bỏ các tài liệu liên quan, trừ khi có hướng dẫn khác của khách hàng. Phí để thực hiện những hướng dẫn như vậy sẽ được lập hóa đơn giao cho khách hàng.*

## **7. REPORT AND CERTIFICATE OWNERSHIP AND INTELLECTUAL PROPERTY/ QUYỀN SỞ HỮU VÀ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA BÁO CÁO VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN**

Any document including, but not limited to any Report or any Certificate, provided by SGS and the copyright contained therein shall be and remain the property of SGS and the Client shall not alter or misrepresent the contents of such documents in any way. The Client shall be entitled to make copies for its internal purposes only. Duplicates of Certificates are available upon request for external communication purposes.

*Tất cả các tài liệu bao gồm, nhưng không giới hạn, Báo cáo và Giấy chứng nhận do SGS ban hành và bản quyền của nội dung trong đó là tài sản của SGS, và Khách hàng không được thay đổi hay soạn lại các nội dung của những tài liệu này dưới bất cứ hình thức nào. Khách hàng chỉ có quyền photo những tài liệu này để sử dụng cho mục đích nội bộ. Các bản sao của Giấy chứng nhận sẽ được cung cấp khi có yêu cầu sử dụng cho mục đích bên ngoài.*

## **8. COMMUNICATION/ TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

The Client may promote its certification in accordance with the terms set out in the Regulations governing the use of the certification marks. Use of SGS' corporate name or any other registered trademarks for advertising purposes is not permitted without SGS' prior written consent.

*Khách hàng có thể quảng bá việc chứng nhận phù hợp với điều kiện quy định trong các Quy định về việc sử dụng biểu tượng chứng nhận. Việc sử dụng tên của tập đoàn SGS hay bất kỳ các nhãn hiệu khác đã được đăng ký bản quyền cho mục đích quảng cáo sẽ không được phép nếu chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của SGS.*



## 9. CONFIDENTIALITY AND DATA PROTECTION/ BẢO MẬT THÔNG TIN VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

9.1 As used herein, "Confidential Information" shall mean any oral or written proprietary information that a party may acquire from the other party pursuant to the Contract or information as to the business of the other party provided, however, that Confidential Information shall not include any information which (1) is or hereafter becomes generally known to the public; (2) was available to the receiving party on a non-confidential basis prior to the time of its disclosure by the disclosing party; (3) is disclosed to a party by an independent third party with a right to make such disclosure.

*Như từ ngữ sử dụng dưới đây, "bảo mật thông tin" có nghĩa là bất kỳ quyền sở hữu thông tin dưới dạng lời nói hay văn bản mà một bên có thể lấy từ bên kia theo Hợp đồng hay thông tin về kinh doanh được cung cấp bởi đối tác khác. Tuy nhiên, việc bảo mật thông tin không bao gồm những thông tin: (1) là hoặc sẽ trở nên phổ biến đại chúng; (2) đã có sẵn cho bên nhận trên cơ sở không có điều kiện bảo mật trước thời điểm thông tin được công bố bởi bên công bố; (3) được công bố cho một bên bởi một bên thứ 3 độc lập được quyền thực hiện việc công bố đó.*

9.2 Unless required by law or by a judicial, governmental or other regulatory body, neither party nor their agents or subcontractors shall use the Confidential Information other than for the purpose of the Contract nor disclose the other's Confidential Information to any person or entity without the prior written approval of the other party except as expressly provided for herein.

*Trừ khi có yêu cầu của luật pháp, tòa án, chính phủ hay cơ quan có thẩm quyền; không có bất kỳ một đối tác hay đại lý ủy quyền, các nhà thầu phụ nào được sử dụng thông tin được bảo mật ngoài mục đích của Hợp đồng hay công bố các thông tin bảo mật khác cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào mà không có sự chấp thuận bằng văn bản trước đó của bên đối tác ngoại trừ những vấn đề được nêu ở điều khoản này.*

9.3 In the course of providing the Services, each Party may have access to, process and/or receive the Personal Data of the other party as Data Controller for its own contractual and commercial purposes as part of maintaining its business relationships with the other Party, and not to carry out a processing function on behalf and under the instructions of the other Party. Each Party shall (i) process such Personal Data in accordance with the Law on Personal Data Protection No. 91/2025/QH15 was passed by the National Assembly of Vietnam on June 26, 2025, Decree 356/2025/ND-CP issued by Government on 31 December 2025; and regulations relating to the protection of Personal Data, as well as any guidance and/or recommendations issued by Vietnamese competent authorities relating to the processing of Personal Data (and its amendment or replacement issued from time to time); and regulations relating to the protection of Personal Data, as well as any guidance and/or recommendations issued by Vietnamese competent authorities relating to the processing of

Personal Data; and (ii) provide the other party, and all individuals whose Personal Data is being processed as part of these General Conditions, with its data privacy notice. Read Customer Privacy Notice at <https://www.sgs.com/en-vn/privacy-at-sgs>.

*Trong quá trình cung cấp Dịch vụ, mỗi Bên có thể tiếp cận, xử lý và/hoặc nhận Dữ liệu Cá nhân của bên kia với tư cách là Bên Kiểm soát Dữ liệu, nhằm phục vụ các mục đích của hợp đồng và hoạt động thương mại của riêng mình trong khuôn khổ mối quan hệ kinh doanh giữa hai Bên. Việc xử lý này được thực hiện động lập và không phải để thay mật hoặc theo hướng dẫn của Bên kia. Mỗi Bên sẽ (i) xử lý Dữ liệu Cá nhân phù hợp với Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân số 91/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 06 năm 2025, Nghị định 356/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2025; và các quy định liên quan đến việc bảo vệ Dữ liệu Cá nhân, cũng như bất kỳ hướng dẫn và/hoặc khuyến nghị nào của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam liên quan đến việc xử lý Dữ liệu Cá nhân; và (ii) cung cấp thông báo quyền riêng tư của mình cho bên kia và tất cả các chủ thể có Dữ liệu Cá nhân đang được xử lý như một phần của các Điều kiện Chung này. Vui lòng xem Thông báo dành cho Khách hàng về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại: <https://www.sgs.com/en-vn/privacy-at-sgs>.*

## 10. DURATION AND TERMINATION/ THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT

10.1 Unless otherwise agreed, the Contract shall continue (subject to the termination rights set out in these General Conditions) for the term set forth in the Proposal (the "Initial Term"). On expiry of the Initial Term, the Contract shall renew automatically unless and until either party notifies the other in writing that the Contract will terminate at least three months prior to the expiry of the Initial Term or on three months' notice any time after the Initial Term.

*Trừ khi có thỏa thuận khác, Hợp đồng sẽ tiếp tục có hiệu lực (phù hợp với quyền chấm dứt quy định tại các Điều kiện Chung này) trong thời hạn được nêu trong Bản báo giá ("Thời hạn Ban đầu"). Khi Thời hạn Ban đầu kết thúc, Hợp đồng sẽ tự động gia hạn, trừ khi và cho đến khi một trong hai Bên gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng ít nhất ba (03) tháng vào bất kỳ thời điểm nào sau Thời hạn Ban đầu, hoặc bằng thông báo trước ba (03) tháng vào bất kỳ thời điểm nào sau Thời hạn Ban đầu.*

10.2 SGS is entitled, at any time prior to the issue of a Certificate, to terminate the Contract if the Client is in material breach of its obligations and, following receipt of notice of such breach, the Client fails to remedy to the satisfaction of SGS such breach within 30 days.

*Tại bất kỳ thời điểm nào trước khi ban hành Giấy chứng nhận, SGS được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Khách hàng vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, và sau khi nhận được thông báo về các vi phạm đó, Khách hàng không thực hiện hành động khắc phục để phù hợp với các quy định của SGS liên quan đến vi phạm đó trong vòng 30 ngày.*

10.3 Either Party shall be entitled to terminate immediately the provision of the Services in the event of any arrangement with creditors, bankruptcy, insolvency, receivership or cessation of business by the



other Party.

*Bất kỳ bên nào đều có quyền chấm dứt ngay lập tức việc cung cấp Dịch Vụ trong trường hợp có sự dàn xếp của các chủ nợ, phá sản, mất khả năng chi trả, kiện tụng hay đình chỉ các hoạt động kinh doanh bởi một bên khác.*

10.4 Unless otherwise agreed in writing, the rights and obligations of the parties defined in clauses 8, 9, 12, 13 and 14 shall apply notwithstanding the completion of the Services or termination of the Contract.

*Trừ khi có sự thỏa thuận khác bằng văn bản, quyền và nghĩa vụ của các bên được nêu trong các điều khoản 8, 9, 12, 13 và 14 phải được tuân thủ bất kể Dịch Vụ đã thực hiện xong hay kết thúc hợp đồng.*

10.5 In case the Client transfers its activities to another organisation, the transfer of the Certificate is subject to the Certification Body's prior written consent. Where such consent is given, the use of the Certificate by such new organisation shall be governed by the Contract.

*Trong trường hợp Khách hàng chuyển giao các hoạt động của họ cho một tổ chức khác, việc chuyển giao Giấy chứng nhận là quyền của tổ chức chứng nhận và khi có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức chứng nhận. Khi có sự đồng ý như vậy, việc sử dụng Giấy chứng nhận bởi tổ chức mới đó phải được tuân thủ theo hợp đồng.*

## 11. FORCE MAJEURE/ BẤT KHẢ KHÁNG

If SGS is prevented from performing or completing any service for which the Contract has been made by reason of any cause whatsoever outside SGS' control, including, but not limited to, acts of God, war, terrorist activity or industrial action; failure to obtain permits licenses or registrations; illness, death or resignation of personnel or failure by Client to comply with any of its obligations under the Contract, the Client will pay to SGS:

*Nếu SGS bị ngăn cản thực hiện hoặc hoàn tất bất kỳ Dịch Vụ nào trong Hợp đồng do bất kỳ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát của SGS, bao gồm nhưng không giới hạn: thiên tai, chiến tranh, khủng bố, hay đình công; không xin được giấy phép hay giấy chứng nhận; nhân sự liên quan bị bệnh, chết hay nghỉ việc, hay bất kỳ lỗi nào khác của Khách hàng trong phạm vi nghĩa vụ của mình đã quy định trong Hợp đồng, Khách hàng phải trả cho SGS:*

(a) the amount of all abortive expenditures actually made or incurred;

*Những chi phí đã thực hiện hoặc phải thực hiện trên thực tế.*

(b) a proportion of the agreed fees equal to the proportion (if any) of the service actually carried out; and SGS shall be relieved of all responsibility whatsoever for the partial or total non-performance of the required Services.

*Một phần phí như đã thỏa thuận tương ứng với phần công việc đã thực hiện (nếu có); và dù thế nào, SGS phải được giảm bớt trách nhiệm liên quan đến việc không thực hiện một phần hoặc toàn bộ Dịch Vụ được yêu cầu.*

## 12. LIMITATION OF LIABILITY AND INDEMNITY/

## GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

12.1 SGS undertakes to exercise due care and skill in the performance of the Services and accepts responsibility only in cases of proven negligence.

*SGS có nghĩa vụ thực hiện Dịch Vụ bằng các kỹ năng và trách nhiệm của mình, và chỉ chịu trách nhiệm trong trường hợp sơ suất được tìm thấy.*

12.2 Nothing in these General Conditions shall exclude or limit SGS' liability to the Client for death or personal injury or for fraud or any other matter resulting from SGS' negligence for which it would be illegal to exclude or limit its liability. Subject to clause 12.2, the total liability of SGS to the Client in respect of any claim for loss, damage or expense of any nature and howsoever arising shall be limited, in respect of any one event or series of connected events, to an amount equal to the fees paid to SGS under the Contract (excluding Value Added Tax thereon).

*Không có điều nào trong Các Điều Kiện Chung này được loại trừ hoặc giới hạn về trách nhiệm của SGS đối với Khách hàng trong trường hợp có tử vong hay bị thương hoặc sự lừa gạt hay bất kỳ các vấn đề khác do bởi sơ suất của SGS dẫn đến việc trái với các điều kiện loại trừ hay giới hạn trách nhiệm. Chiếu theo điều 12.2, toàn bộ trách nhiệm của SGS đối với khách hàng liên quan đến tổn thất, hư hỏng hay chi phí phát sinh tích lũy phải được giới hạn, bất kể gây bởi một biến cố hay chuỗi các biến cố, tương đương với mức phí được trả cho SGS theo Hợp đồng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).*

12.3 Subject to clause 12.2, SGS shall have no liability to the Client for claim for loss, damage or expense unless arbitral proceedings are commenced within one year after the date of the performance by SGS of the service which gives rise to the claim or in the event of any alleged non- performance within one year of the date when such service should have been completed.

*Chiếu theo điều 12.2, SGS không chịu trách nhiệm trước khách hàng đối với các yêu cầu về tổn thất, hư hỏng hoặc phí tổn trừ khi việc phân xử được tiến hành trong thời hạn một năm tính từ ngày SGS thực hiện Dịch Vụ liên quan hoặc trong trường hợp được cho là không thực hiện trong thời hạn một năm tính từ ngày đáng lẽ Dịch Vụ đó phải được hoàn tất.*

12.4 Subject to clause 12.2, SGS shall not be liable to the Client nor to any third party:

*Chiếu theo điều 12.2, SGS không chịu trách nhiệm pháp lý đối với Khách hàng hay bất kỳ bên thứ ba nào khác liên quan đến:*

(a) for any loss, damage or expense arising from (i) a failure by Client to comply with any of its obligations herein (ii) any actions taken or not taken on the basis of the Reports or the Certificates; and (iii) any incorrect results, Reports or Certificates arising from unclear, erroneous, incomplete, misleading or false information provided to SGS;

*bất kỳ tổn thất, hư hỏng hoặc phí tổn gây ra bởi (i) lỗi của Khách hàng không tuân thủ các nghĩa vụ của mình Quy định trong Các điều kiện này, (ii) bất kỳ hành động nào được thực hiện hay không thực hiện trên cơ sở Báo*



cáo hay Giấy chứng nhận; và (iii) bất kỳ sự sai sót của các kết quả, Báo cáo hay Giấy chứng nhận gây bởi việc cung cấp cho SGS các thông tin không rõ ràng, không chính xác, không đầy đủ, sai lỗi hoặc sai lệch.

(b) for loss of profits, loss of production, loss of business or costs incurred from business interruption, loss of revenue, loss of opportunity, loss of contracts, loss of expectation, loss of use, loss of goodwill or damage to reputation, loss of anticipated savings, cost or expenses incurred in relation to making product recall, cost or expenses incurred in mitigating loss and loss or damage arising from the claims of any third party (including without limitation product liability claims) that may be suffered by the Client; and tổn thất về lợi nhuận, sản xuất, kinh doanh hay chi phí phát sinh gây bởi việc gián đoạn kinh doanh, tổn thất về doanh thu, cơ hội, hợp đồng, sự kỳ vọng, thương hiệu hay tổn hại đến danh tiếng, chi phí hoặc phí tổn liên quan đến việc thu hồi sản phẩm, chi phí hay phí tổn liên quan đến việc khắc phục tổn thất hoặc chi phí hay phí tổn liên quan đến khiếu nại của bên thứ 3 khác (bao gồm, nhưng không giới hạn, khiếu nại liên quan đến trách nhiệm pháp lý của sản phẩm) có thể xảy ra với Khách hàng; và

(c) any indirect or consequential loss or damage of any kind (whether or not falling within the types of loss or damage identified in (b) above).

*bất kỳ những tổn thất hay hư hỏng gián tiếp hoặc hậu quả dây chuyền của bất kỳ tình huống nào (có hoặc không nằm trong những dạng tổn thất hay hư hỏng đã nêu ở phần b nói trên).*

12.5 Except for cases of proven negligence or fraud by SGS, the Client further agrees to hold harmless and indemnify SGS and its officers, employees, agents or subcontractors against all claims (actual or threatened) by any third party for loss, damage or expense of whatsoever nature including all legal expenses and related costs and howsoever arising (i) relating to the performance, purported performance or non-performance, of the Services or (ii) out of or in connection with the Client's product, process or service the subject of the certification (including, without limitation, product liability claims).

*Ngoại trừ những trường hợp được chứng tỏ do sự sơ suất hay lừa dối của SGS, Khách hàng còn phải đồng ý đảm bảo sự vô hại và bồi thường cho SGS cũng như các cán bộ, nhân viên, đại lý hay nhà thầu liên quan đến các khiếu nại (có thực hay chỉ là đe dọa) bởi bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến tổn thất, hư hỏng và phí tổn bất kể bản chất bao gồm các tiêu phí hợp pháp và các phát sinh dù ở mức độ nào (i) liên quan đến việc thực hiện, dự kiến thực hiện hay không thực hiện Dịch Vụ, (ii) nằm ngoài phạm vi hay liên quan đến sản phẩm của khách hàng, quá trình hoặc Dịch Vụ liên quan đến việc chứng nhận (bao gồm, nhưng không giới hạn các khiếu nại liên quan đến trách nhiệm pháp lý của sản phẩm).*

12.6 Each party shall take out adequate insurance to cover its liabilities under the Contract.

*Mỗi bên phải có bảo hiểm thích hợp để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Quy định của hợp đồng.*

### 13. MISCELLANEOUS/ NHỮNG NỘI DUNG KHÁC

13.1 If any one or more provisions of these General Conditions are found to be illegal or unenforceable in any respect, the validity, legality and enforceability of the remaining provisions shall not in any way be affected or impaired thereby.

*Trong trường hợp một hay một số điều trong Các Điều Kiện Chung này không phù hợp với pháp luật hay không thể thực hiện trên một khía cạnh nào đó, thì thời gian hiệu lực, tính pháp lý và tính thực thi của các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên giá trị.*

13.2 Except as expressly provided for herein, the Client may not assign or transfer any of its rights hereunder without SGS' prior written consent.

*Ngoại trừ những vấn đề được nêu trong Các Điều Kiện Chung này, Khách hàng không được ủy nhiệm hay chuyển giao bất kỳ quyền của mình nếu không được sự chấp thuận của SGS bằng văn bản.*

13.3 Neither party shall assign the Contract without the prior written consent of the other Party such consent shall not be unreasonably withheld. Any assignment shall not relieve the assignor from any liability or obligation under the Contract.

*Bất kỳ bên nào thực hiện ủy nhiệm Hợp đồng mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia, sự chấp thuận đó không thể được xem như là trường hợp bất khả kháng. Bất kỳ sự ủy nhiệm nào cũng sẽ không loại trừ bất kỳ trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ của bên ủy nhiệm theo Quy định trong hợp đồng.*

13.4 The Contracts (Rights of Third Parties) Act 1999 shall not apply to these General Conditions or the Contract.

*Hợp Đồng (Quyền của Các bên Thứ ba) theo điều luật 1999 sẽ không được áp dụng cho Các Điều Kiện Chung này và Hợp đồng Dịch Vụ.*

13.5 A Party giving notice under these General Conditions must do so in writing with such notice being hand delivered or sent by prepaid, first class post or facsimile to the address for the other Party as set out in the Application. A notice will be deemed received by the other Party:

*Một bên nào đó khi đưa ra thông báo liên quan đến Các Điều Kiện Chung này phải thực hiện bằng văn bản và thông báo đó phải được giao tận tay hay gửi theo phương thức trả trước, Dịch Vụ bưu điện hạng nhất hay fax đến địa chỉ của bên kia như đã ghi trong Bản đăng ký. Thời điểm một thông báo xem như bên kia đã nhận được là:*

(a) if hand delivered, on the date of delivery; nếu giao tận tay, vào ngày giao;

(b) if sent by first class post, three days after the date of posting; nếu gửi qua Dịch Vụ bưu điện hạng nhất, ba ngày sau ngày gửi;

(c) if sent by facsimile, the time indicated on the sending Party's facsimile transmission confirmation message.

*nếu gửi qua fax, thời điểm hiển thị trên bản xác nhận đã chuyển fax của máy fax bên gửi.*

13.6 The Parties acknowledge that SGS provides the Services to the Client as an independent contractor and that the Contract does not create any partnership,



agency, employment or fiduciary relationship between SGS and the Client.

*Các bên hiểu rằng SGS cung cấp Dịch Vụ cho Khách hàng như là một nhà thầu độc lập và Hợp đồng không có nghĩa tạo ra quan hệ đối tác, đại lý tuyển dụng hay ủy thác giữa SGS và Khách hàng.*

13.7 Any failure by SGS to require the Client to perform any of its obligations under these General Conditions or the Contract shall not constitute a waiver of its right to require performance of that or any other obligation.

*Bất kỳ yêu cầu nào của SGS đến Khách hàng thực hiện một nghĩa vụ của mình theo Các Điều Kiện Chung và Hợp đồng không được thực hiện không liên quan đến việc chối bỏ thực hiện các nghĩa vụ khác.*

#### **14. DISPUTES/ TRANH CHẤP**

Unless specifically provided otherwise, these General Conditions shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam. All disputes arising out of or in connection with the Contractual Relationship(s) hereunder shall be resolved by arbitration at the Vietnam International Arbitration Centre (VIAC) in accordance with its Rules of Arbitration by three arbitrators are appointed in accordance with the said rules. The place of arbitration shall be Ho Chi Minh City. The language to be used in the arbitral proceeding shall be Vietnamese.

*Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi, Quy định Chung này được điều chỉnh và giải thích theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Quan hệ Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này bởi hội đồng gồm ba trọng tài được chỉ định theo các quy tắc của trọng tài. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt.*